

# NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

LÊ VĂN HÙNG

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HÀ THỊ BẮC

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 25/5/2021. Sửa chữa xong 28/5/2021. Duyệt đăng 5/6/2021.

## Abstract

*The rule of law state is one of the topics that attracts many researchers, including many scientific disciplines such as philosophy, politics, jurisprudence, history, sociology, etc. In the current world, in each country, building the rule of law state is not only the objective and solution, but also the most effective, democratic and suitable state organization model compared to the state models already in human social history. The rule of law is also a mean to overcome or limit corruption, waste, and reduce the abuse of state agencies in the process of performing public services for the interests of the group and personal interests.*

**Keywords:** Rule of law state, law, state, socialist rule of law.

## 1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “rule of law” tiếng Anh được dịch ra tiếng Việt với nhiều nghĩa như pháp quyền, chế độ pháp quyền, nhà nước pháp quyền (NNPQ)... Tư tưởng pháp quyền bắt đầu được hình thành từ thời kỳ cổ đại ở Hy Lạp và được phát triển qua các giai đoạn lịch sử của nhân loại. Ở mỗi giai đoạn, quan niệm có thể khác nhau, tuy nhiên về cơ bản, khi đề cập đến NNPQ thì phải có một số đặc điểm cơ bản như là nhà nước tuyệt đối tuân thủ vào tính tối thượng của pháp luật, tức là không một tổ chức xã hội hay cá nhân nào được đứng trên pháp luật hay ngoài pháp luật, mọi công dân đều được bình đẳng trước pháp luật. Các hoạt động của nhà nước trong giới hạn được xác định bởi pháp luật và có trách nhiệm bảo vệ các quyền con người cho công dân. Nguyên tắc cơ bản của NNPQ là có sự phân công rõ ràng, kiểm soát quyền lực giữa quyền lập pháp, hành pháp và có quyền tư pháp độc lập. Việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCHN) ở Việt Nam hiện nay tất yếu cần phải chọn lọc những nhân tố hợp lý trong tư tưởng NNPQ của nhân loại để xây dựng NNPQ XHCHN, mở rộng và thực thi dân chủ.

## 2. Một số quan niệm về NNPQ

Quan niệm về NNPQ đã trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài trong suốt lịch sử tư tưởng nhân loại, bắt đầu từ tư tưởng triết học Hy Lạp cổ đại. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết chỉ khái quát quan điểm của một số nhà triết học phương Tây cận đại, đặc biệt là tư tưởng của một số nhà Khai sáng Pháp và một số quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về NNPQ.

Trong tiếng Anh không có khái niệm “NNPQ” mà chỉ gọi là Rule of law (pháp quyền), là sự cai trị của pháp luật, nó được hiểu ngắn gọn là “pháp luật về quyền”. Cụ thể hơn, nó được hiểu, luật là cao nhất, cao tuyệt đối, một người chỉ có thể bị xử phạt vì vi phạm luật, ngoài ra không còn lý do gì khác. Mọi người đều bình đẳng trước luật pháp, nhà nước và người dân đều như nhau trước luật pháp [1, tr. 66].

Các nhà Khai sáng Pháp rất coi trọng nghiên cứu vấn đề chính trị, đặc biệt có nhiều quan điểm về pháp quyền rất sâu sắc, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn. Đối với B. Montesquieu, ông đã có công lao lớn khi đã hệ thống hóa các quan niệm về phân chia quyền lực trong NNPQ, theo ông, để ngăn

ngừa nguy cơ lạm dụng quyền lực cần phải phân chia các quyền lực nhà nước trong mỗi quốc gia thành ba loại: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, các quyền lực này có thể kim chế lẫn nhau. Sự phân chia quyền lực được ông coi là nguyên tắc pháp quyền mà bản chất của nó là không cho phép tập trung toàn bộ quyền lực nhà nước nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền. Ông đã khẳng định: “Chính thể cộng hòa là chính thể mà người dân hoặc một bộ phận dân chúng có quyền lực tối cao”; chính thể quân chủ là chính thể chỉ có một người cai trị nhưng cai trị bằng những luật pháp đã được thiết lập; trong chính thể chuyên chế thì trái lại, chỉ một người cai trị mà không luật lệ gì hết, chỉ theo ý chí và sở thích của ông ta mà thôi” [2, tr. 46 - 47].

Đối với Denis Diderot, theo ông, quyền lực nhà nước là sản phẩm của kế ước xã hội. Để đảm bảo các quyền lợi và sự thống nhất ý chí, sức mạnh của tất cả mọi người, các cá nhân chuyển giao cho nhà nước phần nào sự phụ thuộc tự nhiên của mình. Do đó, quyền lực nhà nước phải dựa trên ý chí của nhân dân với tính cách là người có chủ quyền. Mục đích chủ yếu của nhà nước là ở chỗ đảm bảo những quyền không thể tách rời và hạnh phúc của các công dân [3, tr. 136].

Đối với Jean Jacques Rousseau, theo ông quyền lực nhân dân với tính cách là quyền lực tối cao ở vị trí cao nhất, chi phối các quyền lực khác. Tuy nhiên, để quyền lực tối cao có thể được thực thi một cách hữu hiệu và thống nhất, nó cần được phân định thông qua bộ ba hợp thành và không thể tách rời của nó, đó là quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Đối với cơ quan lập pháp, theo ông, nhiệm vụ của nó là đưa ra một hiến pháp và một hệ thống pháp luật với các bộ luật cho quốc gia. Đối với “người lập pháp quyết không phải là một vị pháp quan hay một quốc vương” [4, tr. 100-101].

Để có NN PQ, đặc biệt để NN PQ được thực thi thì điều quan trọng là nhà nước đó phải ban hành và thực thi pháp luật, pháp luật phải ở vị trí tối thượng. Theo Rousseau, “Mọi đạo luật mà dân chúng chưa trực tiếp thông qua đều vô giá trị, không thể gọi là luật được” [4, tr. 179]. Tham gia chính sự vừa là quyền hạn, vừa là trách nhiệm của công dân. Cơ quan lập pháp có trách nhiệm phản ánh ý chí chung của toàn dân chứ không phải ý kiến cá nhân của các nghị sĩ, các vị đại diện nhân dân. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền lập pháp, nhà nước cần đến những nhà lập pháp thông thái, những người có khả năng đưa ra những dự luật có tính khả thi, phản ánh ý chí chung của toàn dân, để dân chúng biểu quyết thông qua.

Đối với quyền hành pháp, theo Rousseau “Tên gọi thực sự của quyền hành pháp theo đúng luật là “chính phủ” hoặc là “cơ quan cai trị tối cao” [4, tr. 123]. Theo ông, chức năng của cơ quan quyền lực tối cao là lập pháp, là ban bố luật. Chức năng của chính phủ là hành pháp, là trực tiếp cai trị. Chức năng của dân chúng hay thần dân là phục tùng. Các chức năng đó được phân định rõ ràng. Sự nhập nhằng thiếu phân định hay không thực thi đúng chức năng của mình sẽ là mầm mống của tình trạng chuyên chế hay vô chính phủ [4, tr. 124]. Trong những tình huống xung đột giữa cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp, giải pháp mà ông đưa ra là “Luôn luôn có thể sẵn sàng hy sinh chính phủ vì nhân dân chứ không phải hy sinh nhân dân vì chính phủ” [4, tr. 128]. Chính phủ do cơ quan lập pháp đặt ra có nhiệm vụ thực thi luật pháp. Những người được ủy thác nắm quyền hành pháp không phải là ông chủ nhân dân mà chỉ là những viên chức. Do đó, dân chúng và cơ quan quyền lực tối cao có thể cất nhắc hay bãi miễn họ.

Đối với quyền tư pháp là quyền xét xử theo luật pháp nhằm trừng phạt và ngăn ngừa những hành vi phạm pháp, bảo vệ luật pháp và quyền lập pháp. Theo Rousseau, cơ quan tư pháp “Không được có một chút quyền lập pháp hay hành pháp nào cả. Nhưng chính nhờ vậy mà cơ quan tư pháp có quyền cao hơn cả vì nó không làm gì cả nhưng lại có thể ngăn ngừa được tất cả. Đó là cơ quan thiêng liêng nhất và được coi trọng nhất vì nó là người bảo vệ luật: mà luật là do cơ quan quyền lực tối cao ban hành và do chính phủ chấp hành” [4, tr. 218].

Đối với chủ nghĩa Mác-Lênin luôn gắn mục tiêu đấu tranh giải phóng giai cấp với giải phóng con người, với đấu tranh vì dân chủ, luôn xác định nhiệm vụ của giai cấp vô sản là giải phóng nhân dân

lao động, thiết lập nhà nước kiểu mới - nhà nước chuyên chính vô sản, là kiểu nhà nước mà bản chất của nó là quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, “Quyền lập pháp không tạo ra luật pháp, - nó chỉ phát hiện và nêu luật pháp” [5, tr. 395], “Chế độ nhà nước là luật pháp đối với quyền lập pháp” [5, tr. 390] và “Quốc hội không có quyền nào hết, nhân dân chỉ ủy thác cho Quốc hội bảo vệ quyền của nhân dân. Nếu một khi Quốc hội không hành động căn cứ vào sự ủy thác đó thì quyền ủy thác đó mất hiệu lực. Lúc đó nhân dân xuất hiện trên vũ đài và hành động theo ý của mình” [6, tr. 348], nếu như Quốc hội không đồng thời giảm bớt tới mức tối đa đạo quân quan chức và sau hết, không để cho xã hội công dân và công luận thành lập những cơ quan ngôn luận của họ, độc lập với chính quyền” thì Quốc hội sẽ mất hết ảnh hưởng đối với xã hội. V.I.Lênin đã cho rằng: “Cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta. Một mặt như thế nhưng mặt khác, chế độ dân chủ có nghĩa là chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa các công dân, thừa nhận cho mọi người có quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước” [7, tr. 123]. Như vậy, về bản chất nhà nước XHCN không đối lập với pháp quyền mà có sự thống nhất giữa dân chủ và pháp quyền; pháp quyền là biểu hiện tập trung của chế độ dân chủ; dân chủ là bản chất, là điều kiện, là tiền đề của pháp quyền XHCN.

Như vậy, qua việc khái quát quan điểm của một số nhà tư tưởng ở thời kỳ Khai sáng Pháp và quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin có thể khái quát một số đặc điểm của NN PQ:

- Trong NN PQ, nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Nhân dân có quyền lựa chọn nhà nước, lựa chọn các đại biểu tham gia vào công việc của nhà nước. Nếu nhà nước không đáp ứng yêu cầu của nhân dân thì họ có quyền thay thế nhà nước. Tự nó, bản thân nhà nước không có quyền, mọi quyền lực nhà nước có được đều do nhân dân ủy quyền. Trong NN PQ, các quyền cơ bản và thiêng liêng của con người với tư cách công dân được đảm bảo bằng pháp luật. Công dân có quyền kiểm tra và giám sát hoạt động của nhà nước, thậm chí thay đổi nhà nước khi nó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Về nguyên tắc, NN PQ bảo đảm những điều kiện thiết yếu cho một nền dân chủ. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện của NN PQ. Do đó, không có NN PQ thì không có dân chủ, bởi vì, NN PQ xác lập những cơ chế, thiết chế, thực hiện các quyết định dân chủ thông qua luật. Pháp luật vừa là sự phản ánh yêu cầu dân chủ, vừa là công cụ để thực hiện dân chủ. NN PQ phải thừa nhận pháp luật giữ vị trí tối thượng, chi phối đối với nhà nước và xã hội.

- NN PQ thực hiện sự phân công các quyền năng cơ bản của quyền lực công cộng, kiểm tra và giám sát quyền lực. Khi quyền lực công được giao cho cá nhân hay nhóm người thì xu hướng quyền lực ấy bị lạm dụng, hoặc tha hóa thành quyền lực riêng là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, phân quyền trong NN PQ không có nghĩa là phân chia quyền lực nhà nước vốn thống nhất cho các lực lượng chính trị - xã hội khác nhau mà là phân chia nó thành các quyền năng cụ thể: lập pháp, hành pháp, tư pháp và giao các quyền ấy cho các cơ quan nhà nước tương ứng [8, tr. 72].

Như vậy, mô hình NN PQ đang được thực hiện phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay là sự kết tinh các giá trị mang tính phổ quát mà nhân loại đã chất lọc được từ thực tiễn về xây dựng các thể chế nhà nước và từ sự kế thừa các quan niệm về NN PQ trong lịch sử tư tưởng nhân loại.

### **3. Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam**

Trước cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến. Bản chất của nhà nước là sự kết hợp giữa nhà nước phong kiến tay sai với nhà nước thực dân nên không thể có NN PQ. Trong bối cảnh như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã vận dụng tư tưởng NN PQ để tổ chức và xây dựng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong bản Hiến pháp năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng Ban soạn thảo, xét về phương diện tổ chức quyền lực nhà nước, là sự vận dụng mô hình NN PQ phương Tây một cách sáng tạo phù hợp với đặc thù Việt Nam lúc bấy giờ. Theo đó, quyền lực nhà nước được tổ chức thành ba quyền, gồm: “Nghị viện nhân dân (lập

pháp) là cơ quan có quyền cao nhất, do công dân Việt Nam bầu ra. Ba năm một lần” (Điều 22, 24), có nhiệm vụ “giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài” (Điều 23); “Chính phủ (hành pháp) là cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc” (Điều 43); “có nhiệm vụ trực tiếp quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội trong cả nước” (Điều 52); “Tòa án là cơ quan tư pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” (Điều 63); có nhiệm vụ xét xử. Đặc biệt chế định Chủ tịch nước vừa là người đứng đầu nhà nước (nguyên thủ quốc gia), vừa là người đứng đầu Chính phủ (hành pháp) được Hiến pháp giao nhiệm vụ và quyền hạn rất lớn “có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại Luật của Nghị viện trong vòng 10 ngày sau khi nhận được thông tri” (Điều 31); và “không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc” (Điều 50). Ngược lại, “Nghị viện có quyền kiểm soát và phê bình Chính phủ” (Khoản c, Điều 36)... Nghiên cứu các quy định của Hiến pháp năm 1946, thấy có nhiều điểm tương đồng với mô hình tổ chức quyền lực nhà nước của nhiều nước phương Tây lúc đó. Hiến pháp không quy định nguyên tắc phân quyền nhưng việc phân công quyền lực nhà nước rất rõ ràng, minh bạch. Đặc biệt, Chủ tịch nước có quyền phủ quyết tương đối (yêu cầu thảo luận lại luật trong vòng 10 ngày) giống như chính thể tổng thống; được miễn trừ trách nhiệm (như chính thể nội các); quyền bất tín nhiệm của Nghị viện đối với nội các. Các quy định này nhằm hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các nhánh lập pháp và hành pháp [9].

Đối với Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980, hai bản Hiến pháp ra đời trong điều kiện CNXH đã trở thành một hệ thống đối lập với hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa. Trong hai bản Hiến pháp này, tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc tập quyền XHCN, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân nhưng quyền lực tập trung vào Quốc hội và hội đồng nhân dân, không có sự phân quyền một cách minh bạch giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bởi vậy, sau khi nhân dân bầu ra Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp thì quyền lực nhà nước được ủy quyền cho các thiết chế này. Họ sẽ thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng của cả nước và ở địa phương theo từng cấp [9].

Trong Hiến pháp 1992 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25-12-2001 của Quốc hội), điều 2 đã khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” [10, tr. 196]. Sở dĩ, quyền lực Nhà nước ở Việt Nam là thống nhất là do toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, chỉ có nhân dân mới là chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực nhà nước. Trên cơ sở Hiến pháp, nhân dân ủy quyền lập pháp cho Quốc hội, quyền hành pháp cho Chính phủ và quyền Tư pháp cho Tòa án và Viện kiểm sát. Nhân dân không những có quyền bầu ra những đại diện cho mình trong bộ máy nhà nước mà còn có quyền giám sát, bãi miễn những người đó nếu họ không làm tròn trách nhiệm. Hiến pháp quy định “Đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân” [10, tr. 198]. Như vậy, quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân, nhân dân có quyền bầu ra, đồng thời có quyền giám sát và bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ. Các cơ quan nhà nước đóng vai trò đại diện cho nhân dân trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Từ nhận thức mới về kiểm soát quyền lực nhà nước được ghi nhận ở Văn kiện Đại hội X của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đưa vào tổ chức và hoạt động của NNPQ XHCN Việt Nam một yếu tố mới, đó là kiểm soát quyền lực nhà nước. Đảng ta đã khẳng định: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thể chế

hóa nguyên tắc này nên Hiến pháp năm 2013 trong Điều 2 đã khẳng định<sup>11</sup>. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là NN PQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” [11].

Như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có sự phát triển về tư duy lý luận trong xây dựng NN PQ, xác định việc phân công và kiểm soát quyền lực nhà nước là một tất yếu khách quan, là một nguyên tắc xây dựng NN PQ XHCN. Từ đổi mới hệ thống chính trị, trong đó tập trung cải cách bộ máy nhà nước ở Đại hội VI (năm 1986) đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) thừa nhận Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền; đến việc thừa nhận “Nhà nước ta là NN PQ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”, vận hành theo nguyên tắc căn bản là “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” là một quá trình vận động tất yếu trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh đổi mới toàn diện đất nước, dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội và trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

**4. Kết luận**

Trong quá trình xây dựng đất nước, mô hình Nhà nước Việt Nam đã không ít lần thay đổi dưới tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan nhưng xuyên suốt quá trình phát triển đó, tư tưởng xuyên suốt của Đảng ta vẫn là xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Hiện nay, để xây dựng và hoàn thiện thể chế NN PQ XHCN thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì tất yếu phải bắt đầu từ việc phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng, hiệu quả của bộ máy nhà nước, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với nhà nước và xã hội... là việc làm cấp bách. Nguyên tắc căn bản của NN PQ XHCN phải là quyền lực thuộc về nhân dân, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc xây dựng và hoàn thiện NN PQ XHCN ở Việt Nam cần phải tiếp tục nghiên cứu sâu về lý luận và tổng kết thực tiễn để nhà nước làm tốt vai trò quản lý trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**Tài liệu tham khảo**

1. Ngô Khắc Sơn, *Vấn đề nhà nước pháp quyền trong tư tưởng John John Locke và ý nghĩa hiện thời của nó đối với Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2018.
2. B. Montesquieu, *Bản về tinh thần pháp luật*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.
3. Nguyễn Vũ Hào, *Một số quan niệm về nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng phương Tây*, Hội thảo khoa học quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
4. Rousseau, Jean - Jacques (người dịch: Hoàng Thanh Đạm), *Bản về khế ước xã hội*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập* (tập 6), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
7. V. I. Lênin, *Toàn tập* (tập 33), NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980.
8. Trương Quốc Chính, *Nhà nước pháp quyền và quá trình nhận thức về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hội thảo khoa học quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
9. Trần Ngọc Đường, *Không sao chép học thuyết phân quyền một cách rập khuôn, máy móc*. Nguồn: <https://tapchicongsan.org.vn/>.
10. Quốc hội, *Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ (1946-1959-1980-1992-2001)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
11. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 28/11/2013.